

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRỰC NINH
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2022/DS-ST.

Ngày 16 - 3 - 2022.

V/v: “Tranh chấp chia di sản thừa kế”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Mai Xuân Mạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Hồng Thái

Ông Trương Quốc Khánh

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy - Thư ký TAND huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh tham gia phiên toà:
Ông Nguyễn Thanh Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2022, tại Phòng xét xử, tầng 2 Chi cục Thuế khu vực Nm Ninh, địa chỉ: Số 116 đường Trần Phú thị trấn Cổ Lễ huyện Trực Ninh tỉnh Nam Định. Toà án nhân dân huyện Trực Ninh mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 38/2020/TLST-DS ngày 22/10/2020 về việc “ Tranh chấp chia di sản thừa kế” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐXXST-DS ngày 08/02/2022, quyết định hoãn phiên toà số 38/2022/QĐHPT-ST ngày 22/02/2022 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Vũ Hồng T. Sinh năm 1994. Địa chỉ: Đội 9, tổ dân phố Đ, thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định. (vắng mặt)

Người bảo vệ quyền lợi cho chị T: Ông Lê Ngọc Văn - Luật sư, văn phòng Văn và Minh thuộc Đoàn luật sư tỉnh Nam Định.

2. Bị đơn:

- Ông Vũ Văn K, sinh năm 1956. Địa chỉ: Đội 9, tổ dân phố Đ, thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định. (có mặt)

- Ông Vũ Viết B, sinh năm 1950. Địa chỉ: 1/13/4K, khu II, ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (vắng mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Vũ Văn T, sinh năm 1963. Địa chỉ: Tổ KP2, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. (vắng mặt)

- Ông Vũ Ngọc M, sinh năm 1972. Địa chỉ: Khu trọ 45, tổ KP2, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. (vắng mặt)

- Bà Vũ Thị L, sinh năm 1968. Địa chỉ: Khu trọ 45, tổ KP2, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. (vắng mặt)

- Bà Vũ Thị T1, sinh năm 1959. Địa chỉ: Ngõ 10/195, ấp 3 nhà thương, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An. (vắng mặt)

- Bà Nguyễn Thị Khuyên, sinh năm 1953 (có mặt). Chị Vũ Thị Hương, sinh năm 1977, Chị Vũ Thị Hương, sinh năm 1980, Chị Vũ Thị Lý, sinh năm 1985. Anh Vũ Cả Tr, sinh năm 1990 (vắng mặt) (vợ con ông Vũ Văn D).

Cùng địa chỉ: Số nhà 50, khu chợ Mới, tổ dân phố T, thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định.

- Bà Vũ Thị M, sinh năm 1974 (đại diện ủy quyền của chị Phương A, Ngọc A). (có mặt)

- Chị Vũ Thị Phương A, sinh năm 1999. (vắng mặt)

- Chị Vũ Thị Ngọc A, sinh năm 2000. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Đội 9, tổ dân phố Đ, thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn chị Vũ Hồng T trình bày, yêu cầu khởi kiện chia thừa kế đối với thừa đất số 11 tờ bản đồ số 23 có diện tích 1195m² đất trong đó 220m² đất ở, 525m² đất trồng cây lâu năm, 450m² đất ao và 120m² đất vườn thừa 23 tại Đội 9, tổ dân phố Đông Đào, thị trấn Cổ Lễ, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định có nguồn gốc của cụ Vũ Văn P và cụ Vũ Thị N (là ông bà nội của chị T).

Cụ Vũ Văn P sinh năm 1927 chết năm 2006, cụ Vũ Thị N sinh năm 1928 chết năm 2001. Cụ P và cụ N sinh thành được 09 người con gồm: Ông Vũ Ngọc D (chết năm 2015) ông Vũ Xuân Kh (liệt sỹ) không có vợ con; bà Vũ Thị T1; ông Vũ Viết B; ông Vũ Văn K; ông Vũ Ngọc T; ông Vũ Văn K1; ông Vũ Ngọc M; bà Vũ Thị L.

Bố mẹ chị là ông Vũ Văn K1 (chết năm 2017) và bà Vũ Thị M sinh thành được 03 người con gồm: Vũ Thị T, Vũ Thị Phương A, Vũ Ngọc A. Gia đình chị sinh sống cùng với ông bà nội trên thừa đất số 11 tờ bản đồ số 23 có diện tích 1.195m². Ngày 12/9/2012 ông Vũ Ngọc D chủ trì cuộc họp gia đình gồm đầy đủ 8 người con của cụ P, cụ N có mặt cùng thống nhất chuyển nhượng cho ông Vũ Ngọc K1 được toàn quyền sử dụng ruộng đất nhà cửa được ghi nhận trong giấy CNQSD đất số 1978 QSDĐ/QD-UB mang tên cụ Vũ Văn P có xác nhận của tổ

trường tổ dân phố Đông Đò, TT Cổ Lễ. Đến năm 2016 ông K1, bà M đã xây dựng toàn bộ tường bao khu đất, năm 2017 ông K1 chết. Năm 2019 mẹ con chị có ý định sửa chữa lại toàn bộ nhà ở của cụ P, cụ N nhưng ông B, ông K, ông T, ông M không đồng ý cho tu sửa làm nhà trên đất và làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất. Nay chị T yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế theo pháp luật đối với thửa đất số 11 tờ bản đồ số 23 có diện tích 1.195m² và 120m² đất vườn thửa số 21 bản đồ số 23 tại Đội 9, tổ dân phố Đông Đò, thị trấn Cổ Lễ, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

Tại bản tự khai, bị đơn ông Vũ Xuân K trình bày: Bố mẹ tôi là cụ Vũ Văn P, cụ Vũ Thị N, hai cụ sinh được 09 người con như trong đơn khởi kiện trình bày. Cụ P chết năm 2006, cụ N chết năm 2001 không để lại di chúc phân chia tài sản. Năm 2009 - 2010 do anh em đều ở xa nên không có mặt đầy đủ để họp gia đình nên không thống nhất được việc phân chia di sản, ngày 12/9/2012 anh em có họp gia đình, cũng không thống nhất được do thiếu ông D, sau đó ông D không đồng ý với biên bản họp gia đình nên không ký biên bản. Tại biên bản hoà giải ngày 13/8/2021 ông K có ý kiến theo ý nguyện của anh em trong gia đình quy hoạch theo hướng: Phía trước nhà cũ sẽ xây dựng nhà khách của cả gia đình, phần đất ở còn lại và đất vườn phía sau sẽ chia cho mẹ con chị M phần diện tích có nhà cũ của bố mẹ. Diện tích đất vườn còn lại để sau này cho bà Vũ Thị L về xây dựng nhà ở, diện tích đất ao để sử dụng chung. Lối đi của bà M và bà L sẽ sử dụng chung theo lối đi cũ như hiện nay giáp với ao. Bà M không đồng ý việc phân chia như vậy, tôi đề nghị phân chia ưu tiên cho những người chưa có nhà ở, gồm có 03 người là bà M (vợ ông K1), bà L, cháu Tr (con ông D) mỗi người khoảng 4-5 mét mặt ngõ. Bà M sử dụng phần đất mặt ngõ giáp đất của ông B, sau đó đến đất của bà L và cháu Tr, những người khác như ông B, ông M, ông T, bà T1 hiện đang cư trú tại Đồng Nai và Biên Hòa được hưởng phần đất vườn và đất ao.

Tại bản tự khai bà Bùi Thị M trình bày: Tôi và anh Vũ Văn K1 kết hôn với nhau năm 1992, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với bố mẹ chồng. Di sản tôi yêu cầu chia thừa kế là 1.315m², gồm thửa đất số 11 tờ bản đồ số 23 có diện tích 1.195m² và 120m² đất vườn thửa số 21 bản đồ số 23 tại Đội 9, tổ dân phố Đông Đò, thị trấn Cổ Lễ, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định. Đất đã được cấp giấy CNQSD đất năm 1994 mang tên cụ Vũ Văn P. Khi bố mẹ tôi còn sống có cho vợ chồng tôi sử dụng toàn bộ đất ở, vườn, ao của thửa số 11 và đất ruộng. Đến năm 2015 ông K sử dụng ao, năm 2018 tôi có ý định xây sửa lại nhà đang ở thì ông K, ông B không đồng ý cho xây lại, ý của ông K, ông B cho rằng vợ chồng tôi không có con trai, chồng tôi chết rồi nên chỉ cho mẹ con tôi sử dụng đất ruộng, không cho mẹ con tôi sử dụng đất thổ. Do đất ruộng là đất nông nghiệp không được nhà nước cho xây nhà để ở, chính vì thế mẹ con tôi mới phải khởi kiện chia thừa kế quyền sử dụng đất. Bà M yêu cầu được chia sử dụng phần đất theo mặt ngõ có chiều rộng từ 4,5m đến 5m chiều dài theo thửa đất.

Ông Vũ Viết B, bà Vũ Thị T1, ông M, ông T có đơn đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai Bà Vũ Thị L, bà Nguyễn Thị Khuyên, anh Vũ Cả Tr đều đề nghị Toà án chia thừa kế theo quy định của pháp luật.

Ngày 27/01/2021 Toà án nhân dân huyện Trục Ninh đã thành lập hội đồng thẩm định và định giá tài sản đang có tranh chấp, kết quả đo đạc thực tế thửa đất số 11 có diện tích 1.386 m² tăng hơn 191m² so với bản đồ là do phần đất phía bắc giữa đất vườn và đất ruộng của gia đình cụ P sử dụng không có mốc giới nên đã đo vào đất 02 lúa 191m². Tài sản trên đất gồm có 01 ngôi nhà cấp 4 xây dựng năm 1977 diện tích 38,7m² trị giá 11.300.000đồng; 01 gian nhà và công trình phụ lợp bờ rô xi măng diện tích 22,64m² trị giá 9.250.000đồng và 79m² là chuồng chăn nuôi gia súc trị giá 23.300.000đồng; cổng, tường bao và bờ kè ao có giá trị 24.250.000đồng. Đất thổ cư có giá thị Tr 1.000.000đồng/1m², đất vườn, ao có giá 75.000đồng/1m².

Ngày 31/8/2021 ông K nộp đơn yêu cầu phản tố đề nghị chia thừa kế đối 1.355m² đất ruộng được ghi nhận trong giấy CNQSD đất tên cụ P. Toà án nhân dân huyện Trục Ninh ra quyết định yêu cầu các đương sự có ý kiến chia thừa kế đối diện tích 1.355m² đất ruộng nhưng các đương sự không có ý kiến, riêng ông K có nộp đơn yêu cầu phản tố yêu cầu đề nghị phân chia thừa kế đất ruộng nhưng không trực tiếp nộp đơn mà nhờ con đến nộp không làm thủ tục thụ lý yêu cầu phản tố theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

Người bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn và bà M đều đồng ý với ý kiến phân chia di sản thừa kế theo biên bản hoà giải ngày 13/8/2021, nguyện vọng của nguyên đơn xin thay đổi vị trí đất và xin được quản lý sử dụng diện tích đất giáp ao theo biên bản hoà giải là vị trí đất thừa kế của ông D do cháu Tr quản lý sử dụng vì trên phần đất đó mẹ con bà M còn có ngôi nhà cấp 4 hiện vẫn có thể ở tạm được, nếu chia cho mẹ con bà M ở phần đất giáp với thửa đất của ông B thì mẹ con bà M chưa có điều kiện để xây dựng nhà để ở. Bà M đồng ý tự dỡ bỏ các công trình như nhà tạm cấp 4, công trình phụ, chuồng chăn nuôi gia súc để trả đất cho các kỹ phần.

Ông Vũ Văn K và bà Nguyễn Thị Khuyên không đồng ý cho bà M đổi vị trí đất, anh em trong gia đình đồng ý cho mẹ con chị M ở tạm ngôi nhà cũ đến khi nào có điều kiện xây dựng nhà thì mới trả lại đất. Đề nghị HĐXX phân chia đúng như biên bản hoà giải ngày 13/8/2021.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của Thẩm phán, HĐXX đúng quy định của BLTTDS. Nguyên

đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành các quy định của pháp luật.

Căn cứ các Điều 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651 BLDS:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế của chị Vũ Hồng T về việc yêu cầu chia thừa kế đối với di sản thừa kế là diện tích 1.315m² của thửa 11 và thửa 21 tờ bản đồ số 23 tại TDP Đông Đò, TT Cổ Lễ, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

- Chia phần giá trị tài sản của cụ P, cụ N thành 9 kỷ phần cho 08 người con còn lại, riêng chị M được 02 kỷ phần vì chị là người có công trông coi, bảo quản, tôn tạo thổ đất của cụ P, cụ N. Cụ thể:

Chia cho bà M, anh Tr, bà L mỗi người 100 m² đất bảm theo mặt ngõ xóm.

Phần đất vườn, ao chia cho 5 người còn lại.

Đối với tài sản trên đất do quá trình sử dụng đến Nay, còn giá trị thấp không thể giao cho 1 người, do vậy chị M có trách nhiệm tháo dỡ nếu tài sản nằm trên diện tích giao cho người khác.

Những người nhận tài sản có trách nhiệm thanh toán chênh lệch giá trị tài sản cho các kỷ phần có giá trị thấp hơn.

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đề nghị Tòa án tuyên án phí theo quy định.

Về án phí: Các đương sự phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn là chị Vũ Hồng T khởi kiện yêu cầu chia thừa kế di sản là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 11 tờ bản đồ số 23 có diện tích 1195m² đất trong đó 220m² đất ở, 525m² đất trồng cây lâu năm, 450m² đất ao và 120m² đất vườn thửa 21 tại Đội 9, TDP Đông Đò, thị trấn Cổ Lễ, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định có nguồn gốc của cụ Vũ Văn P và cụ Vũ Thị N (là ông bà nội của chị T). Tòa án nhân huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định thụ lý giải quyết đúng thẩm quyền qui định tại Điều 26 và Điều 39 BLTTDS.

[2] Nhận xét về nội dung vụ án:

Cụ Vũ Văn P sinh năm 1927 chết năm 2006, cụ Vũ Thị N sinh năm 1928 chết năm 2001. Cụ P và cụ N sinh thành được 09 người con gồm: Ông Vũ Ngọc D (chết năm 2015) ông Vũ Xuân Kh (liệt sỹ) không có vợ con; bà Vũ Thị T1; ông Vũ Viết B; ông Vũ Văn K; ông Vũ Ngọc T; ông Vũ Văn K1 (chết 2017); ông Vũ Ngọc M; bà Vũ Thị L, không có con nuôi, con riêng nào khác. Như vậy hàng thừa

kế thứ nhất theo quy định tại Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015 gồm có ông D, bà T1, ông B, ông K, ông T, ông K1, ông M, bà L. Những người cùng hàng thừa kế đều được hưởng giá trị di sản như nhau, ông D chết 2015, ông K1 chết 2017 theo quy định của pháp luật thì vợ và con của ông D, ông K1 sẽ được hưởng phần di sản của các ông được phân chia.

Tài sản đứng tên cụ Vũ Văn P, theo giấy CNQSD đất 1978 QSĐĐ/QDDUB và bản đồ địa chính năm 1992 chỉnh lý 1994 và hồ sơ địa chính TT Cổ Lễ đứng tên cụ P quyền sử dụng 2670m² đất gồm: thửa 11 bản đồ số 23 có diện tích 1.195m² đất trong đó 220m² đất ở, 525m² đất trồng cây lâu năm, 450m² đất ao và thửa 21 bản đồ số 23 có diện tích 120m² đất trồng cây lâu năm tổng là 1.315m². Ngoài ra có 1.355m² đất ruộng 2 lúa là xuất ruộng tiêu chuẩn của cụ P, cụ N, ông B, bà L, ông K1, ông T, ông M. Cụ P, cụ N chết không để lại di chúc hoặc văn bản phân chia tài sản. Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu giải quyết đối với diện tích 1.355m² đất ruộng và chỉ yêu cầu giải quyết đối với 1.315m² gồm đất ở, vườn, ao. Do vậy Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh chỉ giải quyết phân chia thừa kế theo quy định pháp luật đối với 1.315m² gồm đất ở, vườn, ao và không đề cập giải quyết diện tích 1.355m² đất ruộng trong vụ án này. Các đương sự có quyền khởi kiện thành vụ án khác như vậy là phù hợp với quy định tại điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự quy định về quyền định đoạt và quyết định của các đương sự.

[3] Từ các căn cứ nhận định trên: HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Hồng T về việc yêu cầu chia thừa kế đối với di sản là diện tích 1.315m² của thửa 11 và thửa 21 tờ bản đồ số 23 tại Đội 9, TDP Đông Đò, thị trấn Cổ Lễ, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định có nguồn gốc của cụ Vũ Văn P và cụ Vũ Thị N gồm có đất thổ cư, đất vườn, đất ao.

[4] Diện tích 1.315m² của thửa 11 và thửa 21 tờ bản đồ số 23 có trị giá 302.125.000đồng sẽ được chia cho 08 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất, trước khi phân chia kỹ phần, cũng phải xem xét đến công sức của gia đình ông K1 không có nhà đất ở riêng do ở chung với bố mẹ, có công lao đóng góp gìn giữ khối tài sản và nhiều năm đứng tên nộp thuế đất, quá trình sinh sống đã xây dựng các công trình như nhà ở cấp 4, công trình phụ, chuồng chăn nuôi gia súc, tường bao tuy không kiên cố nhưng cũng có giá trị, sau khi phân chia đất thì những công trình nhà ở, công trình phụ, chuồng chăn nuôi gia súc không còn tiếp tục sử dụng được, đều phải dỡ bỏ để trả đất cho các đồng thừa kế nên HĐXX xét thấy cần thiết phải chia cho gia đình ông K1 được hưởng thêm giá trị tương đương 01 kỹ phần. Như vậy giá trị di sản được chia làm 09 phần, riêng gia đình ông K1 (gồm bà M, chị T, chị Anh, chị Ánh được hưởng 02 kỹ phần có giá trị là 67.138.000đồng. Bà T1, ông D, ông M, ông T, bà L, ông K mỗi người được hưởng kỹ phần có giá trị 33.569.000đồng. Ông D chết năm 2015, ông K1 chết 2017 thì vợ con ông D, ông

K1 quản lý sử dụng kỹ phần thừa kế của ông D, ông K1 được hưởng.

[5] Xem xét yêu cầu của các đương sự đều có nguyện vọng chia 1.315m² đất thành 08 phần trong đó ông K được sử dụng 120m² đất vườn thừa 21 giáp liền thổ của ông K, còn lại 1.195m² chia cho 07 người, trong đó ưu tiên chia phần đất có vị trí đất thổ cư cho 03 người gồm mẹ con bà M, bà L, và vợ con ông D(đại diện là anh Tr quản lý sử dụng) đất còn lại là vườn ao chia cho ông B, bà T1, ông M, ông T để có nơi đi về quê và thờ cúng, vì những người này hiện đang làm ăn sinh sống tại Biên Hoà và Long An. HĐXX xét thấy yêu cầu của các đương sự phù hợp quy định của pháp luật nên được HĐXX chấp nhận.

- Thừa đất số 11 tờ bản đồ số 23 diện tích 1.195m² tại Đội 9, TDP Đông Đò, thị trấn Cổ Lễ, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định (có sơ đồ thừa số 11 kèm theo bản án) được phân chia như sau:

- Giao cho anh Vũ Cả Tr được quản lý sử dụng 100m² đất là kỹ phần của ông D, trong đó có 73,3m² đất thổ cư, 26,7m² đất vườn có giá trị 75.300.000đồng. Đất có các cạnh như sau: Cạnh Tây giáp đất của ông B dài 23,7mét; Cạnh Đông giáp kỹ phần của bà L dài 25,1 mét; Cạnh Nam giáp ngõ dài 04mét; Cạnh Bắc giáp kỹ phần của ông B dài 04 mét.

- Giao cho bà Vũ Thị L quản lý sử dụng 100m² đất trong đó có 73,3m² đất thổ cư, 26,7m² đất vườn có giá trị 75.300.000đồng. Đất có các cạnh như sau: Cạnh Tây giáp đất kỹ phần ông D dài 25,1mét; Cạnh Đông giáp kỹ phần của bà M dài 25,5 mét; Cạnh Nam giáp ngõ dài 04mét; Cạnh Bắc giáp kỹ phần của ông B dài 04 mét.

- Giao cho bà Bùi Thị M, chị Vũ Hồng T, chị Vũ Thị Phương A, chị Vũ Ngọc A quản lý sử dụng 100m² đất (là kỹ phần của ông K1) trong đó có 73,3m² đất thổ cư, 26,7m² đất vườn có giá trị 75.300.000đồng. Đất có các cạnh như sau: Cạnh Tây giáp đất kỹ phần của bà L dài 25,5mét; Cạnh Đông giáp kỹ phần của ông T dài 15,5 mét và kỹ phần của ông M dài 11,2 mét; Cạnh Nam giáp ngõ dài 4,2 mét; Cạnh Bắc giáp kỹ phần của ông B dài 4,2 mét.

- Giao cho ông Vũ Văn T quản lý sử dụng 247m² đất ao có giá trị 18.525.000đồng. Đất có các cạnh như sau: Cạnh Tây giáp đất kỹ phần của ông K1 dài 15,5mét; Cạnh Đông giáp đường ra ruộng dài 18,9 mét; Cạnh Nam giáp ngõ dài 9,7 mét; Cạnh Bắc giáp kỹ phần của ông M dài 19,3 mét.

- Giao cho ông Vũ Ngọc M quản lý sử dụng 243m² đất ao, vườn có giá trị 18.225.000đồng. Đất có các cạnh như sau: Cạnh Tây giáp đất kỹ phần của ông K1 dài 11,2mét; Cạnh Đông giáp đường ra ruộng dài 11,3 mét; Cạnh Nam giáp kỹ phần của ông T 19,3 mét; Cạnh Bắc giáp kỹ phần của bà T1 dài 24,2 mét.

- Giao cho bà Vũ Thị T1 quản lý sử dụng 239m² đất vườn có giá trị

17.925.000đồng. Đất có các cạnh như sau: Cạnh Tây giáp đất kỹ phần của ông B dài 13,7mét; Cạnh Đông giáp đường ra ruộng dài 5,7 mét; Cạnh Nam giáp kỹ phần của ông M 24,2 mét; Cạnh Bắc giáp ruộng dài 26 mét.

- Giao cho ông Vũ Viết B quản lý sử dụng 166m² đất vườn có giá trị 12.450.000đồng. Đất có các cạnh như sau: Cạnh Tây giáp đất vườn của ông B dài 9,6mét và giáp đất ông Đặng dài 5,2 + 1,0 mét; Cạnh Đông giáp kỹ phần của bà T1 dài 13,7 mét; Cạnh Nam giáp kỹ phần của ông K1, bà L, ông D dài 12,2 mét; Cạnh Bắc giáp đất ông Đặng dài 6,6 mét và giáp ruộng dài 5,1 mét.

- Giao cho ông Vũ Văn K quản lý sử dụng 120m² đất vườn trồng cây lâu năm có giá trị 9.000.000đồng tại thửa 21 tờ bản đồ số 23 tại Đội 9, TDP Đông Đò, thị trấn Cổ Lễ, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.(thửa đất này do ông K quản lý sử dụng nhiều năm và ông K không yêu cầu Tòa án đo đạc thẩm định vì thửa đất này nằm vị trí giáp liền thổ cư của gia đình ông K không có tranh chấp với ai).

Đối với tài sản là xây dựng các công trình như nhà ở, công trình phụ, chuồng chăn nuôi gia súc của gia đình ông K1, sau khi phân chia đất cho 7 kỹ phần thì các tài sản đó không thể sử dụng lại được nên không xác định giá trị để phân chia, bà M, chị T, chị Anh, chị Ánh phải tự dỡ bỏ để trả đất cho các kỹ phần, riêng tường bao quanh thửa đất nằm trên kỹ phần của người nào thì người đó được quyền sử dụng.

[6] Xem xét về giá trị kỹ phần: Kỹ phần của ông K1 do mẹ con bà M quản lý sử dụng và kỹ phần của bà L, kỹ phần của ông D do anh Tr quản lý sử dụng có giá trị cao hơn so với giá trị mình được hưởng, do vậy anh Tr phải có trách nhiệm trả chênh lệch giá trị kỹ phần cho ông T 15.044.000đồng, trả ông M 15.344.000đồng, trả ông K 11.343.000đồng. Bà L có trách nhiệm trả chênh lệch giá trị kỹ phần cho ông B 21.119.000đồng và trả cho bà T1 15.119.000đồng; trả ông K 5.493.000đồng. Bà M, chị T, chị Anh, chị Ánh có trách nhiệm trả chênh lệch tài sản cho ông K số tiền 8.000.000đồng.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải nộp án phí dân sự theo quy định của pháp luật đối với giá trị phần tài sản mình được nhận.

- Lệ phí thẩm định: Bà M tự nguyện nộp theo quy định của pháp luật. Bà M đã nộp đủ tiền thẩm định, định giá tài sản.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 609, 610, 611, 612, 613; Khoản 1 Điều 623; 649, 650, 651; Điều 357 Bộ luật dân sự; Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết số 326/UBTVQH14

ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Hồng T về việc chia thừa kế đối với di sản là diện tích đất 1.315m² của thửa 11 và thửa 21 tờ bản đồ số 23 tại Đội 9, TDP Đông Đò, thị trấn Cổ Lễ, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định có nguồn gốc của cụ Vũ Văn P và cụ Vũ Thị N gồm có đất thổ cư, đất vườn, đất ao.

2. Thửa đất số 11 tờ bản đồ số 23 diện tích 1195m² tại Đội 9, TDP Đông Đò, thị trấn Cổ Lễ, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định (có sơ đồ thửa số 11 kèm theo bản án) được chia như sau:

- Giao cho anh Vũ Cả Tr được quản lý sử dụng 100m² đất là kỹ phần của ông D, trong đó có 73,3m² đất thổ cư, 26,7m² đất vườn có giá trị 75.300.000đồng. Anh Tr phải có trách nhiệm trả chênh lệch giá trị kỹ phần ông T 15.044.000đồng, trả ông M 15.344.000đồng, trả ông K 11.343.000đồng. Đất có các cạnh như sau: Cạnh Tây giáp đất của ông B dài 23,7mét; Cạnh Đông giáp kỹ phần của bà L dài 25,1 mét; Cạnh Nam giáp ngõ dài 04mét; Cạnh Bắc giáp kỹ phần của ông B dài 04 mét.

- Giao cho bà Vũ Thị L quản lý sử dụng 100m² đất trong đó có 73,3m² đất thổ cư, 26,7m² đất vườn có giá trị 75.300.000đồng. Bà L có trách nhiệm trả chênh lệch giá trị kỹ phần cho ông B 21.119.000đồng, trả cho bà T1 15.119.000đồng; trả ông K 5.493.000đồng. Đất có các cạnh như sau: Cạnh Tây giáp đất kỹ phần của ông D(Tr quản lý) dài 25,1mét; Cạnh Đông giáp kỹ phần của bà M dài 25,5 mét; Cạnh Nam giáp ngõ dài 04mét; Cạnh Bắc giáp kỹ phần của ông B dài 04 mét.

- Giao cho bà Bùi Thị M, chị Vũ Hồng T, chị Vũ Ngọc A, chị Nguyễn Thị Phương A quản lý sử dụng 100m² đất (là kỹ phần của ông K1) trong đó có 73,3m² đất thổ cư, 26,7m² đất vườn có giá trị 75.300.000đồng. Bà M, chị T, chị Ánh có trách nhiệm trả chênh lệch kỹ phần cho ông K số tiền 8.000.000đồng. Đất có các cạnh như sau: Cạnh Tây giáp đất kỹ phần của bà L dài 25,5mét; Cạnh Đông giáp kỹ phần của ông T dài 15,5 mét và kỹ phần của ông M dài 11,2 mét; Cạnh Nam giáp ngõ dài 4,2 mét; Cạnh Bắc giáp kỹ phần của ông B dài 4,2 mét.

- Giao cho ông Vũ Văn T quản lý sử dụng 247m² đất ao có giá trị 18.525.000đồng. Đất có các cạnh như sau: Cạnh Tây giáp đất kỹ phần của ông K1(mẹ con bà M quản lý) dài 15,5mét; Cạnh Đông giáp đường ra ruộng dài 18,9 mét; Cạnh Nam giáp ngõ dài 9,7 mét; Cạnh Bắc giáp kỹ phần của ông M dài 19,3 mét. Ông T được nhận chênh lệch giá trị kỹ phần của anh Tr.

- Giao cho ông Vũ Ngọc M quản lý sử dụng 243m² đất ao, vườn có giá trị 18.225.000đồng. Đất có các cạnh như sau: Cạnh Tây giáp đất kỹ phần của ông K1 (mẹ con bà M quản lý) dài 11,2mét; Cạnh Đông giáp đường ra ruộng dài 11,3

mét; Cạnh Nm giáp kỹ phần của ông T 19,3 mét; Cạnh Bắc giáp kỹ phần của bà T1 dài 24,2 mét. Ông M được nhận chênh lệch giá trị kỹ phần của anh Tr.

- Giao cho bà Vũ Thị T1 quản lý sử dụng 239m² đất vườn có giá trị 17.925.000đồng. Đất có các cạnh như sau: Cạnh Tây giáp đất kỹ phần của ông B dài 13,7mét; Cạnh Đông giáp đường ra ruộng dài 5,7 mét; Cạnh Nm giáp kỹ phần của ông M 24,2 mét; Cạnh Bắc giáp ruộng dài 26 mét. Bà T1 được nhận chênh lệch giá trị kỹ phần của bà L.

- Giao cho ông Vũ Viết B quản lý sử dụng 166m² đất vườn có giá trị 12.450.000đồng. Đất có các cạnh như sau: Cạnh Tây giáp đất vườn của ông B dài 9,6mét và giáp đất ông Đặng dài 5,2 + 1,0 mét; Cạnh Đông giáp kỹ phần của bà T1 dài 13,7 mét; Cạnh Nm giáp kỹ phần của ông K1, bà L, ông D dài 12,2 mét; Cạnh Bắc giáp đất ông Đặng dài 6,6 mét và giáp ruộng dài 5,1 mét. Ông B được nhận chênh lệch giá trị kỹ phần của bà L.

- Giao cho ông Vũ Văn K quản lý sử dụng 120m² đất vườn trồng cây lâu năm có giá trị 9.000.000đồng tại thửa 21 tờ bản đồ số 23 tại Đội 9, TDP Đông Đò, thị trấn Cổ Lễ, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định. (thửa đất này do ông K quản lý sử dụng nhiều năm và ông K không yêu cầu Tòa án đo đạc thẩm định vì thửa đất này nằm vị trí giáp liền thổ cư của gia đình ông K không có tranh chấp với ai). Ông K được nhận chênh lệch giá trị kỹ phần của anh Tr, bà L và của mẹ con bà M.

3. Bà M, chị T, chị Phương A, chị Ngọc A phải tự dỡ bỏ các công trình là nhà tạm cấp 4, công trình phụ, chuồng chăn nuôi gia súc để trả đất cho các kỹ phần, riêng tường bao quanh thửa đất nằm trên kỹ phần của người nào thì người đó được quyền sử dụng.

4. Những người được hưởng kỹ phần thừa kế được quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo diện tích đất đã được phân chia.

5. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án chậm trả tiền thì phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà M, chị T, chị Phương A, chị Ngọc A mỗi người phải nộp 839.000đồng. Đối trừ tiền dự thu án phí do chị T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0002250 ngày 22/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trực Ninh. Hoàn trả cho chị T 1.161.000đồng.

Ông B, ông K, ông T, ông M, bà T1, bà L, anh Tr mỗi người phải nộp 1.678.450đồng.

7. Bà M, ông K, bà Quyên, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông B, ông M, ông T, bà T1, bà L, anh Tr, chị T, chị Phương A, chị Ngọc A có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại địa phương.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các đương sự; có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh: 1 bản
- VKSND huyện + tỉnh: 2 bản
- Chi cục THADS huyện: 1 bản
- UBND xã: 1 bản
- Những người tham gia tố tụng:
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Mai Xuân Mạnh